

Bản án số: 602/2022/HS-PT
Ngày 25 tháng 8 năm 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Trần Thị Huyền Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 341/2022/TLPT-HS ngày 01 tháng 6 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T, Phạm Sỹ Xuân H và Nguyễn Thanh M;

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HS-ST ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 552/2022/QĐXXPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Tuyền T; Sinh ngày 05/9/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT tại ấp Lộc T, xã Lộc N, huyện Dương Minh Ch, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở tại Căn hộ B, Chung cư S, phường Tân H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp buôn bán; Trình độ học vấn lớp 10/12; Dân tộc Kinh; Giới tính nữ; Tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr và bà Trương Thị Th; Không có chồng, có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh ngày 11/10/2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị cáo bị kháng nghị:

1/ Nguyễn Thị Tuyên T; Sinh ngày 05/9/1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT tại ấp Lộc T, xã Lộc N, huyện Dương Minh Ch, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở tại Căn hộ B, Chung cư S, phường Tân H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp buôn bán; Trình độ học vấn lớp 10/12; Dân tộc Kinh; Giới tính nữ; Tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr và bà Trương Thị Th; Không có chồng, có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh ngày 11/10/2020; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2/ Phạm Sỹ Xuân H; Sinh ngày 10/3/1995 tại tỉnh Bắc Ninh; HKTT tại thôn H, xã Đức L, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước; Nghề nghiệp làm nông; Trình độ học vấn lớp 10/12; Dân tộc Kinh; Giới tính nam; Tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Phạm Sỹ M và bà Hoàng Thị H; Có vợ và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 13/5/2021 (có mặt).

3/ Nguyễn Thanh M; Sinh ngày 23/3/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT tại 186/2 khu phố 1, phường Tân H Th, Quận MH, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở tại D1-17 khu đô thị Phúc A, xã Mỹ Hạnh N, huyện Đức H, tỉnh Long An; Nghề nghiệp lao động tự do; Trình độ học vấn lớp 11/12; Dân tộc Kinh; Giới tính nam; Tôn giáo không; Quốc tịch Việt Nam; Con ông Nguyễn Thanh B và bà Phạm Thị H; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam từ ngày 13/5/2021 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 phút ngày 15/3/2021, nhận được tin báo có một số người Trung Quốc lưu trú trái phép tại Chung cư S, địa chỉ 33 Nguyễn Hữu Th, phường Tân H, Quận B, Công an phường Tân H tiến hành kiểm tra phát hiện 5 người Trung Quốc gồm: W sinh ngày 15/3/1995, G sinh ngày 18/4/2001, Z sinh ngày 05/5/1990, Zh sinh ngày 29/5/1987 và D sinh ngày 01/10/1991 đang ở tại Căn hộ B07-28, nhưng không xuất trình được thị thực nhập cảnh. Công an phường Tân H đã đưa 5 người này về trụ sở Công an phường làm việc, sau đó đã chuyển vụ, việc đến Cơ quan An ninh điều tra, thuộc Công an Thành phố Hồ Chí Minh để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Tuyên T khai nhận: Từ năm 2014 đến cuối năm 2019, khi sang Trung Quốc kinh doanh, T có quen người đàn ông tên X, không rõ địa chỉ và lai lịch. Sau khi về Việt Nam, T vẫn giữ liên lạc với X qua ứng dụng Wechat. Đến tháng 3/2021, X liên lạc với T nhờ đón một số người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Thành phố Hồ Chí Minh và tìm chỗ cho họ lưu trú. T đã 3 lần đón tổng cộng 20 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, cụ thể ngày 08/3/2021 có 4 người, ngày 13/3/2021 có 8 người và ngày 15/3/2021 có 8 người. Cả 3 lần Tiến đều mượn chiếc xe ô tô hiệu Isuzu biển số 51H-75.590 của Trương Trường B để đưa những người Trung Quốc về tầng hầm Chung cư S, sau đó yêu cầu Nguyễn Thanh M, Phạm Sỹ Xuân H đưa họ lên 2 Căn hộ B33-

07 và B07-28 để lưu trú và mua giúp thức ăn, nước uống, đồ tiêu dùng cho họ. Sở dĩ T tổ chức cho số người Trung Quốc này lưu trú trái phép là nhằm mục đích trả ơn cho X, do trước đây có nhận được sự giúp đỡ của X. Toàn bộ chi phí việc đón, thuê nhà và tiền ăn cho số người Trung Quốc do T tự chi trả và không yêu cầu X trả lại.

Nguyễn Thanh M khai nhận: Ngày 08/3/2021, theo yêu cầu của T, M từ Long An lên Thành phố Hồ Chí Minh để chuẩn bị phụ giúp T trong việc kinh doanh và được T cho ở nhờ tại Căn hộ B33-07 Chung cư S. Khi đến căn hộ này, M thấy Phạm Sỹ Xuân H và một nhóm người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đã lưu trú tại đây, M và H được T nhờ mang cơm và mua nhu yếu phẩm cho những người này. Sau đó đến ngày 13/3/2021, T yêu cầu M cùng với H xuống hầm xe đón 08 người Trung Quốc lên Căn hộ B33 - 07 và ngày 15/3/2021, tiếp tục đón 08 người Trung Quốc lên Căn hộ B07 - 28.

Phạm Sỹ Xuân H khai nhận: Ngày 08/03/2021, H lên Thành phố Hồ Chí Minh để chuẩn bị tìm việc làm và được T cho ở nhờ tại Căn hộ số B33-07, Chung cư S, lúc này trong căn hộ đã có 4 người Trung Quốc ở tại đây. Sau đó thì có Nguyễn Thanh M được T đưa vào ở cùng với H và những người Trung Quốc này. Đến ngày 13/3/2021, H và M được T yêu cầu xuống tầng hầm đón 8 người Trung Quốc lên Căn hộ B33 - 07 và ngày 15/3/2021 tiếp tục đón 8 người Trung Quốc lên Căn hộ B07 - 28.

M và H đều thừa nhận được T cho biết những người Trung Quốc này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và được T bố trí chỗ lưu trú trái phép tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời M và H cũng nhận thức được hành vi phụ giúp T mua thức ăn, nhu yếu phẩm cho những người Trung Quốc là vi phạm pháp luật. Do được T hứa sẽ giúp tìm việc làm và lo cho ăn ở nên H và M phụ giúp T trong việc đón số người Trung Quốc này mà không yêu cầu trả công.

Trương Trường B khai: Từ ngày 05/3/2021 B có cho T mượn chiếc xe ô tô hiệu Isuzu biển số 51H-75.590 để T tập lái nâng cao kỹ năng lái xe. Việc T sử dụng vào mục đích nào khác thì B hoàn toàn không biết và cũng không biết T sử dụng xe để đón số người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nêu trên.

Lời khai của 5 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép xác định: Họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường biên giới phía Bắc ngày 13/3/2021, sau đó đi bằng ô tô để di chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không rõ tuyến đường di chuyển. Khoảng 17 giờ ngày 15/3/2021 thì có tổng cộng 8 người tập trung tại Siêu thị Lotte Quận B và được Nguyễn Thị Tuyền T sử dụng xe ô tô đưa về hầm Chung cư S, sau đó được Nguyễn Thanh M cùng Phạm Sỹ Xuân H đưa lên Căn hộ B07-28, để lưu trú. Một lúc sau thì có 3 người trong nhóm đã rời khỏi căn hộ đi đâu không rõ và đến 18 giờ cùng ngày thì 05 người còn lại trong nhóm bị Công an Quận B phát hiện. Mục đích họ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam để tìm việc làm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2022/HSST ngày 21 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm h, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

*- Xử phạt **Nguyễn Thị Tuyền T 3 (Ba)** năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.*

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm h, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

*- Xử phạt **Phạm Sỹ Xuân H 1 (Một)** năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.*

*- Xử phạt **Nguyễn Thanh M 1 (Một)** năm 6 (Sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/5/2022, bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T kháng cáo bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 04/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định kháng nghị số 26/QĐ-VKS-P1 kháng nghị một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T, Phạm Sỹ Xuân H và Nguyễn Thanh M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Trong vụ án này bị cáo T đóng vai trò chính (chủ mưu trong vụ án). Ngoài ra, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T là chưa đúng quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án”. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với bị cáo T cụ thể là áp dụng hình phạt đối với bị cáo T là từ 04 đến 05 năm tù.

Đối với bị cáo H và bị cáo M, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa chính xác vì bị cáo H và bị cáo M là đồng phạm với T và đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với bị cáo H và bị cáo M cụ thể là áp dụng hình phạt đối với bị cáo H từ 02 đến 03 năm tù, bị cáo M từ 02 đến 03 năm tù.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T trình bày: Xin Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo vì ngoài lần phạm tội này bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đang phải một mình nuôi 04 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi, hoàn cảnh bị cáo rất khó khăn.

Bị cáo Phạm Sỹ Xuân H trình bày: Bị cáo lần đầu tiên phạm tội, bị xin Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh M trình bày: Bị cáo lần đầu tiên phạm tội, xin Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử, các cơ quan tố tụng và người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó đủ cơ sở để xác định: 5 người Trung Quốc có tên W, G, Z, Zh và D bị Công an phường Tân H phát hiện khi đang lưu trú tại Chung cư S, số 33 Nguyễn Hữu Th, phường Tân H, Quận B vào ngày 15/3/2021 đều là những người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, được bị cáo Nguyễn Thị Tuyền Tiến đón tại Siêu thị Lotte Quận B đưa về. Các bị cáo Phạm Sỹ Xuân H và bị cáo Nguyễn Thanh M đều được bị cáo T cho biết W, G, Z, Zh và D đều là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam.

[2.2] Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo T, H, M đều có khả năng nhận thức được việc dùng ô tô đón nhóm người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là trái pháp luật và sẽ bị xử lý nhưng vì lợi ích cá nhân, bị cáo T đã trực tiếp thực hiện hành vi 03 lần đón tổng cộng 20 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cụ thể ngày 08/3/2021 có 4 người, ngày 13/3/2021 có 8 người và ngày 15/3/2021 có 8 người. Cả 03 lần Tiến đều mượn chiếc xe ô tô hiệu Isuzu biển số 51H-75.590 của Trương Trường B để đưa những người Trung Quốc về tầng hầm Chung cư S. Do muốn nhanh chóng tìm được việc làm nên các bị cáo M, H dưới sự chỉ đạo trực tiếp của bị cáo T đã đưa nhóm người

này lên 2 Căn hộ B33-07 và B07-28 để lưu trú và mua giúp thức ăn, nước uống, đồ tiêu dùng cho họ trong thời gian lưu trú. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Tuyên Tiến, Nguyễn Thanh M, Phạm Sỹ Xuân H phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” là có căn cứ.

[2.3] Xét kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyên T:

Trong vụ án này bị cáo T đóng vai trò là người chủ mưu, trực tiếp thực hiện hành vi tổ chức cho nhóm người Trung Quốc lưu trú tại Việt Nam trái phép từ ngày 08/3/2021 đến ngày 15/3/2021. Bị cáo biết rõ những người Trung Quốc này không có thị thực, nhập cảnh vào Việt Nam trái phép nhưng vì động cơ vụ lợi nên bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện việc cho nhóm người Trung Quốc này lưu trú tại Việt Nam trái phép tại Chung cư S, phường Tân H, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Không những vậy bị cáo còn lôi kéo bị cáo H, M là những người đang ở nhà của bị cáo để hỗ trợ đưa nhóm người này lên chung cư và mua giúp thức ăn, nước uống, đồ tiêu dùng cho họ trong thời gian lưu trú. Trong tình hình dịch bệnh Covid diễn ra phức tạp việc bị cáo tổ chức cho nhóm người Trung Quốc này lưu trú tại Việt Nam là hết sức nguy hiểm, đi ngược lại với những chỉ đạo của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn này. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép” theo khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ. Bị cáo có trên hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đã áp dụng áp dụng Điều 54 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án 03 năm tù là nhẹ đối với bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo nhưng bị cáo không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ hình phạt nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Ngoài ra, đối với hành vi đưa 15 người, đề nghị Cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Đối với bị cáo T như đã phân tích tại mục [2.2] trong vụ án này bị cáo T đóng vai trò chính, là mắc xích quan trọng trong chuỗi hành vi đưa nhóm người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 “Người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” là chưa chính xác bởi lẽ bị cáo T chỉ bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với 05 người Trung Quốc bị Công an phát hiện, còn đối với 15 người Trung Quốc bỏ trốn trước đó thì bị cáo không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Hơn nữa, việc bị cáo khai nhận tại Cơ quan điều tra thì Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 là người phạm tội thành khẩn khai báo hoặc ăn năn hối cải, chứ đây không được coi là tình tiết người phạm tội tích cực giúp đỡ cơ quan có trách nhiệm phát hiện và điều tra tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, do hoàn cảnh gia đình bị cáo

khó khăn, bị cáo đang phải 01 mình nuôi 04 con nhỏ, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo mức án 03 năm tù cũng là để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước và cũng đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần hình phạt của bị cáo T.

Đối với bị cáo M và mặc dù biết hành vi của bị cáo T thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn được bị cáo T giúp mình tìm việc làm nên đã có hành vi giúp sức tích cực đưa số người Trung Quốc đến nơi lưu trú, mua thức ăn, nước uống và đồ tiêu dùng cho nhóm người này trong thời gian họ lưu trú theo yêu cầu của bị cáo T, nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm trong vụ án. Cả 03 bị cáo T, M, H đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 05-10 năm tù là tội phạm rất nghiêm trọng. Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần bị kháng nghị.

[4] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T phải chịu 200.000 đồng.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T. Giữ nguyên phần hình phạt đối với bị cáo T.

2. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Sỹ Xuân H và Nguyễn Thanh M.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt Nguyễn Thị Tuyền T 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

4. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Xử phạt Phạm Sỹ Xuân H 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

- Xử phạt Nguyễn Thanh M 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác ở lại Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

5. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Sỹ Xuân H, Nguyễn Thanh M để bảo đảm thi hành án.

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Tuyền T phải chịu 200.000 đồng.

7. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP.HCM; (3)
- VKSND TP.HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- TTG Công an TP.HCM; (3)
- (để tổng đạt cho các bị cáo)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA-NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh